

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 10&11/5/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Hà Anh	Nữ	12/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304002384	6.7	7.0	809/QĐ236/2026	TH015700	
2	Thái Thị Vân Anh	Nữ	17/7/1985	Nghệ An	Kinh	040185028442	6.0	8.0	810/QĐ236/2026	TH015701	
3	Hắc Xuân Cảnh	Nam	12/02/1979	Thanh Hóa	Kinh	038079021324	7.0	7.0	811/QĐ236/2026	TH015702	
4	Lữ Mai Chấn	Nữ	04/6/1991	Nghệ An	Thái	040191025713	6.7	5.0	812/QĐ236/2026	TH015703	
5	Lê Anh Đào	Nữ	01/6/2004	Nghệ An	Kinh	040304020422	5.7	6.5	813/QĐ236/2026	TH015704	
6	Lê Thị Đức	Nữ	20/7/2002	Thanh Hóa	Kinh	038302018768	6.3	9.0	814/QĐ236/2026	TH015705	
7	Trần Thị Thu Hà	Nữ	26/6/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304000503	6.0	6.5	815/QĐ236/2026	TH015706	
8	Ngô Thị Hằng	Nữ	08/8/1989	Nghệ An	Kinh	040189009641	6.0	8.5	816/QĐ236/2026	TH015707	
9	Trần Thị Hiền	Nữ	05/9/1995	Hà Tĩnh	Kinh	042195016176	5.0	5.0	817/QĐ236/2026	TH015708	
10	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	10/6/1996	Hà Tĩnh	Kinh	042196004287	6.3	6.0	818/QĐ236/2026	TH015709	
11	Quế Thị Lan	Nữ	13/01/2000	Nghệ An	Kinh	40300018939	5.7	5.0	819/QĐ236/2026	TH015710	
12	Nguyễn Thị Út Ly	Nữ	04/3/1981	Nghệ An	Kinh	040181019925	6.7	8.0	820/QĐ236/2026	TH015711	
13	Đặng Thị Mai	Nữ	20/01/1988	Nghệ An	Kinh	040188026599	6.3	7.0	821/QĐ236/2026	TH015712	
14	Nguyễn Thị Thảo Minh	Nữ	20/7/2003	Nghệ An	Kinh	040303004616	5.7	8.5	822/QĐ236/2026	TH015713	
15	Hoàng Thị Mơ	Nữ	18/11/1993	Nghệ An	Kinh	040193015256	6.0	9.0	823/QĐ236/2026	TH015714	
16	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	01/01/1995	Nghệ An	Kinh	040195036473	6.0	5.5	824/QĐ236/2026	TH015715	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
17	Đinh Thị Thắm	Nữ	20/12/1984	Nghệ An	Kinh	040184022607	6.0	5.0	825/QĐ236/2026	TH015716	
18	Ngô Thị Thích	Nữ	20/9/1996	Nghệ An	Kinh	040196015375	5.3	7.5	826/QĐ236/2026	TH015717	
19	Trương Minh Thu	Nữ	12/01/1987	Thanh Hóa	Kinh	038187024525	5.3	7.5	827/QĐ236/2026	TH015718	
20	Hồ Thị Phương Thúy	Nữ	24/12/1984	Nghệ An	Kinh	040184014862	5.3	6.0	828/QĐ236/2026	TH015719	
21	Đậu Thị Thùy	Nữ	20/7/1980	Nghệ An	Kinh	040180027450	5.0	5.5	829/QĐ236/2026	TH015720	
22	Trần Thị Thủy	Nữ	23/5/1992	Hà Tĩnh	Kinh	042192018612	5.7	6.5	830/QĐ236/2026	TH015721	
23	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	04/10/1992	Nghệ An	Kinh	040192005928	6.0	5.5	831/QĐ236/2026	TH015722	
24	Nguyễn Đức Trung	Nam	23/8/2003	Đắk Lắk	Kinh	054203001672	6.7	9.0	832/QĐ236/2026	TH015723	
25	Bùi Thanh Tú	Nam	05/4/1991	Nghệ An	Kinh	040091019265	6.0	7.5	833/QĐ236/2026	TH015724	
26	Biện Thị Thục Uyên	Nữ	26/9/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303000420	5.7	9.0	834/QĐ236/2026	TH015725	
27	Lê Thị Hải Yến	Nữ	22/4/2004	Thanh Hóa	Kinh	038303010237	5.7	9.0	835/QĐ236/2026	TH015726	
28	Đậu Thị Anh	Nữ	20/02/2004	Nghệ An	Kinh	040304024566	6.0	7.0	836/QĐ236/2026	TH015727	
29	Lữ Ngọc Ánh	Nữ	18/12/2003	Nghệ An	Thái	040303005927	5.0	8.0	837/QĐ236/2026	TH015728	
30	Sầm Thị Hồng Ánh	Nữ	02/3/2004	Nghệ An	Thái	040304022031	6.0	8.5	838/QĐ236/2026	TH015729	
31	Vi Đức Dương	Nam	01/10/2003	Nghệ An	Thái	040203020862	6.0	6.0	839/QĐ236/2026	TH015730	
32	Lê Thu Giang	Nữ	07/02/2002	Thanh Hóa	Mường	038302005403	6.3	7.5	840/QĐ236/2026	TH015731	
33	Phan Thị Hà	Nữ	21/02/1990	Nghệ An	Kinh	040190019597	6.0	5.5	841/QĐ236/2026	TH015732	
34	Phạm Thị Hải	Nữ	25/8/1975	Nghệ An	Kinh	040175006645	5.7	5.5	842/QĐ236/2026	TH015733	
35	Lang Thị Thanh Hoài	Nữ	16/8/2003	Nghệ An	Thái	040303004919	6.0	7.0	843/QĐ236/2026	TH015734	
36	Ngô Thị Huệ	Nữ	15/10/1986	Nghệ An	Kinh	040186023921	6.3	7.5	844/QĐ236/2026	TH015735	
37	Trương Thị Loan	Nữ	16/11/1988	Nghệ An	Kinh	040188036836	5.7	7.5	845/QĐ236/2026	TH015736	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
38	Ngô Thị Nga	Nữ	12/3/1978	Nghệ An	Kinh	040178024860	6.3	6.5	846/QĐ236/2026	TH015737	
39	Hoàng Thị Tâm	Nữ	10/10/1993	Nghệ An	Kinh	040193204589	5.3	7.0	847/QĐ236/2026	TH015738	
40	Nguyễn Thị Thái	Nữ	23/11/1988	Nghệ An	Kinh	040188009438	5.7	7.5	848/QĐ236/2026	TH015739	
41	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	17/3/2003	Nghệ An	Thái	040303012674	7.0	6.5	849/QĐ236/2026	TH015740	
42	Lương Đình Thi	Nam	11/3/2001	Thanh Hóa	Thái	038201008526	6.0	7.5	850/QĐ236/2026	TH015741	
43	Nguyễn Thị Anh Thơ	Nữ	25/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304007197	6.0	8.0	851/QĐ236/2026	TH015742	
44	Nguyễn Thị Thương	Nữ	02/6/1990	Nghệ An	Kinh	040190004634	5.3	8.0	852/QĐ236/2026	TH015743	
45	Trần Thị Thương	Nữ	09/9/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304003512	5.7	7.0	853/QĐ236/2026	TH015744	
46	Nguyễn Thái Minh Thùy	Nữ	05/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304004440	7.3	8.0	854/QĐ236/2026	TH015745	
47	Đặng Thị Thủy	Nữ	09/8/1977	Nghệ An	Kinh	040177009945	6.0	6.5	855/QĐ236/2026	TH015746	
48	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	12/3/1979	Nghệ An	Kinh	040179017552	7.0	7.5	856/QĐ236/2026	TH015747	
49	Lữ Kim Thủy	Nữ	23/10/2003	Nghệ An	Thái	040303004927	5.0	8.0	857/QĐ236/2026	TH015748	
50	Vi Huyền Trâm	Nữ	13/3/2004	Nghệ An	Thái	040304029442	5.7	7.0	858/QĐ236/2026	TH015749	
51	Mạc Thị Huệ Trinh	Nữ	08/10/2004	Nghệ An	Thái	040304020781	5.7	8.5	859/QĐ236/2026	TH015750	
52	Vũ Thị Vân	Nữ	11/11/1976	Nghệ An	Kinh	040176033239	7.7	7.0	860/QĐ236/2026	TH015751	
53	Phạm Thị Xuân	Nữ	02/01/1979	Nghệ An	Kinh	040179020197	6.0	6.5	861/QĐ236/2026	TH015752	
54	Lê Thị Anh	Nữ	23/8/2000	Nghệ An	Kinh	040300023852	6.7	7.5	862/QĐ236/2026	TH015753	
55	Phạm Thị Ngọc Ánh	Nữ	21/8/1999	Nghệ An	Kinh	040199006332	7.7	9.0	863/QĐ236/2026	TH015754	
56	Trần Huyền Diệu	Nữ	12/02/2004	Nghệ An	Kinh	040304004249	7.7	8.0	864/QĐ236/2026	TH015755	
57	Vi Huỳnh Đức	Nam	09/02/2000	Nghệ An	Thái	040200015997	6.0	7.0	865/QĐ236/2026	TH015756	
58	Trương Thị Hà	Nữ	10/5/2004	Nghệ An	Kinh	040304015527	6.3	7.0	866/QĐ236/2026	TH015757	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
59	Phạm Thị Hoa	Nữ	08/5/1998	Nghệ An	Kinh	040198022249	5.0	7.5	867/QĐ236/2026	TH015758	
60	Lê Thị Diệu Linh	Nữ	03/12/2004	Nghệ An	Kinh	040304026447	5.7	7.0	868/QĐ236/2026	TH015759	
61	Lê Thị Phương Linh	Nữ	19/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304004569	5.7	7.5	869/QĐ236/2026	TH015760	
62	Nguyễn Thị Linh	Nữ	29/10/2001	Nghệ An	Kinh	040301006291	6.0	9.0	870/QĐ236/2026	TH015761	
63	Hồ Khánh Ly	Nữ	25/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304025095	5.7	7.0	871/QĐ236/2026	TH015762	
64	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	21/01/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303010982	6.0	6.5	872/QĐ236/2026	TH015763	
65	Phạm Thị Na	Nữ	02/6/2004	Nghệ An	Kinh	040304008946	6.3	7.5	873/QĐ236/2026	TH015764	
66	Lê Thị Nga	Nữ	13/9/2004	Nghệ An	Thổ	040304013951	6.7	8.0	874/QĐ236/2026	TH015765	
67	Kha Thị Phú	Nữ	26/3/1996	Nghệ An	Thái	040196000897	5.3	7.0	875/QĐ236/2026	TH015766	
68	Vi Thị Phương	Nữ	04/3/2004	Nghệ An	Thái	040304002591	6.0	8.0	876/QĐ236/2026	TH015767	
69	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	14/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304012041	6.3	9.0	877/QĐ236/2026	TH015768	
70	Đình Phương Thảo	Nữ	02/9/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303006091	6.0	7.0	878/QĐ236/2026	TH015769	
71	Trương Thị Phương Thảo	Nữ	11/5/2004	Nghệ An	Kinh	040304024836	8.0	7.5	879/QĐ236/2026	TH015770	
72	Lê Phương Thảo	Nữ	17/8/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304000994	6.0	7.0	880/QĐ236/2026	TH015771	
73	Phan Diệu Thúy	Nữ	04/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304023689	6.0	7.0	881/QĐ236/2026	TH015772	
74	Lương Thị Thanh Thủy	Nữ	12/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304019595	5.3	7.5	882/QĐ236/2026	TH015773	
75	Hồ Quỳnh Trang	Nữ	30/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304008685	5.3	8.0	883/QĐ236/2026	TH015774	
76	Nguyễn Gia Trứ	Nam	25/11/1991	Gia Lai	Kinh	064091000510	7.7	7.5	884/QĐ236/2026	TH015775	
77	Lâu Bá Và	Nam	01/01/2004	Nghệ An	H'mông	040204008969	6.3	8.0	885/QĐ236/2026	TH015776	
78	Sầm Thị Bích Yến	Nữ	17/8/2004	Nghệ An	Thái	040304004519	6.0	7.5	886/QĐ236/2026	TH015777	
79	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	07/8/2001	Nghệ An	Kinh	040301017722	6.0	9.0	887/QĐ236/2026	TH015778	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
80	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ	28/8/2002	Hà Tĩnh	Kinh	042302012104	7.3	9.0	888/QĐ236/2026	TH015779	
81	Trần Ngọc Huyền Chi	Nữ	18/9/2004	Nghệ An	Thổ	040304023251	6.0	7.5	889/QĐ236/2026	TH015780	
82	Nguyễn Thùy Trúc Chi	Nữ	15/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304000946	6.0	7.0	890/QĐ236/2026	TH015781	
83	Vũ Thị Thanh Hằng	Nữ	13/10/2003	Nghệ An	Kinh	040303001965	6.0	7.5	891/QĐ236/2026	TH015782	
84	Lê Thị Hiém	Nữ	30/01/2003	Nghệ An	Thổ	040303002798	6.3	6.0	892/QĐ236/2026	TH015783	
85	Mai Văn Khánh	Nam	11/12/1994	Nghệ An	Kinh	040094032124	6.7	8.5	893/QĐ236/2026	TH015784	
86	Bùi Duy Khánh	Nam	20/11/2000	Nghệ An	Kinh	040200015705	8.7	9.0	894/QĐ236/2026	TH015785	
87	Ngô Thanh Lộc	Nữ	13/3/2001	Nghệ An	Kinh	040301023046	7.0	9.0	895/QĐ236/2026	TH015786	
88	Phạm Công Minh	Nam	09/12/2004	Thanh Hóa	Mường	038204011318	5.3	6.5	896/QĐ236/2026	TH015787	
89	Võ Thị Nga	Nữ	10/4/1995	Nghệ An	Kinh	040195014436	5.3	7.0	897/QĐ236/2026	TH015788	
90	Nguyễn Thị Kim Nhung	Nữ	13/3/2004	Nghệ An	Kinh	040304003449	6.7	7.0	898/QĐ236/2026	TH015789	
91	Lò Khăm Quang	Nam	27/01/2004	Thanh Hóa	Thái	038204026227	5.7	7.0	899/QĐ236/2026	TH015790	
92	Dương Thị Thu Sen	Nữ	23/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304028689	6.0	8.5	900/QĐ236/2026	TH015791	
93	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	16/8/1998	Nghệ An	Kinh	040198020535	6.0	6.0	901/QĐ236/2026	TH015792	
94	Nguyễn Đình Toàn	Nam	17/8/1998	Nghệ An	Kinh	040098026316	6.0	8.0	902/QĐ236/2026	TH015793	
95	Trần Kiều Trang	Nữ	29/6/2003	Nghệ An	Kinh	040303005903	8.0	9.0	903/QĐ236/2026	TH015794	
96	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	19/4/1994	Nghệ An	Kinh	040194016711	6.0	6.0	904/QĐ236/2026	TH015795	
97	Lương Cẩm Tú	Nữ	18/10/2004	Nghệ An	Thái	040304006291	5.7	7.0	905/QĐ236/2026	TH015796	
98	Nguyễn Đình Tường	Nam	02/4/1961	Nghệ An	Kinh	040061008630	6.3	7.0	906/QĐ236/2026	TH015797	
99	Hồ Thị Thu Uyên	Nữ	21/8/1999	Nghệ An	Kinh	040199015257	5.7	6.0	907/QĐ236/2026	TH015798	
100	Nguyễn Thị Vân	Nữ	13/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304022839	5.7	8.0	908/QĐ236/2026	TH015799	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
101	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	03/3/1996	Nghệ An	Kinh	040196008728	7.7	7.5	909/QĐ236/2026	TH015800	
102	Nguyễn Thị Hà Vi	Nữ	01/8/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304000639	5.7	7.5	910/QĐ236/2026	TH015801	
103	Trương Văn Việt	Nam	22/8/2002	Thanh Hóa	Kinh	038202020341	6.0	7.0	911/QĐ236/2026	TH015802	
104	Nguyễn Thị Yên	Nữ	04/01/2000	Nghệ An	Kinh	040300024833	6.0	7.0	912/QĐ236/2026	TH015803	

